

THƯ GỬI ÔNG HUSÁK

Đây là bức thư được viết vào tháng 4 năm 1975, để gửi cho ông Gustav Husák, lúc đó đang làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Tiệp Khắc; và cũng là tuyên bố công khai đầu tiên của Havel kể từ ngày ông bị đưa vào sổ đen vào năm 1969 (Lời người dịch).

Kính thưa Thạc sĩ Husák,

Trong các công sở và nhà máy của chúng ta, công việc đang chạy đều một cách có kỷ cương, việc làm của các công dân mang lại những kết quả trông thấy ở mức sống đang tăng dần, dân chúng xây nhà, mua ô tô, sinh con đẻ cái, giải trí, vui sống.

Dĩ nhiên tất cả những điều này chưa chắc đã mang nhiều ý nghĩa khi đánh giá thành công hay thất bại trong đường lối chính trị của các ông: sau mỗi khuấy động xã hội, cuối cùng người dân bao giờ cũng quay lại với công

việc thường ngày của họ vì đơn giản là họ muốn sống, họ làm thế rất cuộc vì chính bản thân mình chứ không phải vì người lãnh đạo này hay người lãnh đạo khác.

Nhưng người dân hoàn toàn không chỉ có đi làm, mua bán và sống theo ý mình. Họ làm nhiều hơn thế: họ cam kết thực hiện hàng loạt chỉ tiêu lao động, rồi hoàn thành và hoàn thành vượt mức; họ đồng loạt đi bầu cử và đồng nhất lựa chọn những ứng cử viên mà người ta đưa ra; họ hoạt động tích cực trong những tổ chức chính trị khác nhau; họ tham gia những cuộc mít tinh và những cuộc diễu hành; họ tuyên bố ủng hộ tất cả những gì mà họ cho là phải ủng hộ. Không ở đâu chúng ta có thể nhìn thấy biểu hiện bất đồng quan điểm với bất cứ điều gì chính phủ đang làm.

Dĩ nhiên không thể dễ dàng bỏ qua những thực tế này; ở đây cần nghiêm túc đặt câu hỏi: liệu tất cả những điều đó có khẳng định được rằng ban lãnh đạo của các ông đã thực hiện thành công chương trình đã đặt ra: đó là thu phục sự ủng hộ của nhân dân và củng cố tình hình trong nước?

Câu trả lời phụ thuộc vào cách hiểu của chúng ta thế nào là củng cố.

Nếu như thước đo duy nhất của sự củng cố là những số liệu thống kê trong những lĩnh vực khác nhau, hay là những tuyên bố của chính quyền hay của cảnh sát về hoạt động chính trị của công dân và về những việc tương tự, thì chắc chắn chúng ta khó có thể nghi ngờ về kết quả của việc củng cố tình hình trong nước.

Nhưng nếu chúng ta coi củng cố là một cái gì đó hơn thế nữa – là thực trạng bên trong của xã hội thì sao? Giả sử chúng ta bắt đầu đặt câu hỏi về những nhân tố khác, có thể là tinh tế hơn và không dễ tính toán như vậy, nhưng không vì thế mà kém phần quan trọng, thí dụ như, từ góc độ kinh nghiệm cá nhân của con người – cái gì thực sự nằm đằng sau những con số đó? Giả sử chúng ta đặt cả những câu hỏi như là, thí dụ, chúng ta đã làm gì cho sự hồi sinh của xã hội về mặt đạo đức và tinh thần, cho sự phát triển những giá trị thực sự nhân bản trong cuộc sống, cho con người ngày càng có phẩm giá hơn, có chỗ đứng xác thực và tự do thật sự trong thế giới này? Chúng ta sẽ thấy gì khi chuyển sự chú ý từ tập hợp những biểu hiện chỉ là bên ngoài, sang tập hợp những nguyên nhân và hệ quả bên trong, những mối liên hệ và ý nghĩa của những biểu hiện đó, nói ngắn gọn là tập trung chú ý vào toàn bộ bề mặt ẩn khuất hơn của thực tế, mà chỉ trong đó, những biểu hiện bên ngoài ấy mới có được ý nghĩa chung cho con người? Lúc đó chúng ta có thể nói rằng xã hội chúng ta đã được “củng cố” hay chưa?

Tôi dám khẳng định rằng chưa. Tôi dám khẳng định rằng – mặc mọi thực tế hấp dẫn bên ngoài – *bên trong, xã hội của chúng ta không những không hề được củng cố*, mà ngược lại, đang rơi vào một cuộc khủng hoảng ngày càng sâu hơn, một cuộc khủng hoảng mà về mặt nào đó còn nguy hiểm hơn mọi cuộc khủng hoảng chúng ta từng biết trong lịch sử cận đại.

Tôi sẽ cố gắng chứng minh điều mình khẳng định này.

Câu hỏi cơ bản cần đặt ra ở đây là: vì sao trên thực tế người dân lại xử sự như họ đã xử sự? Vì sao người ta làm tất cả những việc mà nếu gộp chung lại, chúng sẽ tạo ra hình ảnh ấn tượng của một xã hội hoàn toàn thống nhất, hoàn toàn ủng hộ chính phủ của mình? Tôi nghĩ rằng, đối với bất kì người quan sát không định kiến nào thì câu trả lời là rõ ràng: điều thúc đẩy họ chính là *nỗi sợ hãi*.

Vì sợ mất việc làm, thầy giáo dạy trong trường học những điều họ không tin; vì lo lắng cho tương lai, học trò nhắc lại những điều thầy giáo giảng; vì sợ không được tiếp tục học tập, thanh niên gia nhập Đoàn thanh niên và tham gia mọi hoạt động cần thiết; vì sợ rằng trong hệ thống thang bậc chính trị quái gở này con cái sẽ không đủ tiêu chuẩn vào trường, các ông bố bà mẹ nhận đủ thứ trách nhiệm và “tự nguyện” tham gia mọi việc mà người ta yêu cầu. Vì sợ những hậu quả có thể, dân chúng tham gia bầu cử, bỏ phiếu cho ứng viên do người ta đề cử và vờ như họ coi cái nghi lễ đó là những cuộc bầu cử thật sự; vì sợ cho cuộc sống, địa vị hay tương lai, người ta đi họp hành, biểu quyết thông qua mọi thứ mà họ phải thông qua hay chí ít là im lặng; vì sợ mà họ làm những việc tự phê bình và sám hối nhục nhã, và điến vào không biết bao nhiêu bảng thăm dò ý kiến khác nhau một cách không chân thực; vì sợ có kẻ tố cáo, họ không dám thể hiện ý kiến thực sự của mình ở chỗ công cộng và nhiều khi trong cả chốn riêng tư. Đa số vì sợ những khó khăn về tài chính, do cố gắng cải thiện vị trí của mình và lấy lòng cấp trên mà người ta kí tên vào những “cam kết hoàn

thành nhiệm vụ”; cũng từ động cơ đó, thậm chí nhiều khi người ta thành lập cả những tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa mà ai cũng biết trước rằng sứ mạng chủ yếu của chúng chỉ là để báo cáo lên cấp trên mà thôi. Vì sợ hãi, người ta tham gia tất cả những buổi lễ kỉ niệm, biểu tình và tuần hành của nhà nước. Vì sợ sẽ không được tiếp tục làm việc, nhiều nhà khoa học và nghệ sĩ đã thể hiện sự đồng tình với những tư tưởng mà trên thực tế họ không tin, viết những điều mà họ không đồng ý hoặc biết rõ là không đúng, gia nhập những tổ chức của nhà nước hoặc tham gia những công việc mà họ cho là chẳng có giá trị gì, hay tự cắt xén và bóp méo những công trình của mình. Để giữ thân, nhiều người thậm chí còn tố giác những người khác rằng người ta đang làm những việc mà chính bản thân họ đã gây ra cho người ta.

Nỗi sợ mà tôi đang nói tới tuy nhiên không thể hình dung như nỗi sợ theo nghĩa tâm lí bình thường, tức là không phải là một xúc cảm cụ thể và rõ ràng: xung quanh, chúng ta không nhìn thấy đa số dân chúng run rẩy như lá cây dương, mà thấy những khuôn mặt công dân tương đối tự tin và mãn nguyện. Điều tôi nói đến ở đây là nỗi sợ hãi trong nghĩa sâu hơn, theo tôi là trong khía cạnh đạo đức: đó là sự đóng góp nhận thức dù ít hay nhiều vào nhận thức của tập thể về mối nguy hiểm thường trực đang rình rập khắp nơi; là sự lo lắng về cái đang bị đe dọa hay có thể bị đe dọa; là sự quen dần với mối đe dọa như với một phần thực tế của thế giới tự nhiên; là sự tiếp thu ngày càng rộng rãi,坦然 nhiên và khéo léo hơn những

hình thức thích nghi bề ngoài khác nhau như biện pháp tự bảo vệ hữu hiệu duy nhất.

Nỗi sợ hãi tất nhiên không phải là vật liệu duy nhất xây dựng nên cơ cấu xã hội hiện nay.

Mặc dù vậy nó vẫn là vật liệu chính, vật liệu cơ bản, không có nó thì có lẽ không khi nào có thể đạt được sự thống nhất, kỉ luật và nhất trí bề ngoài mà những tài liệu của chính quyền đã lấy làm cơ sở để khẳng định việc “củng cố” trong tương quan xã hội.

Tuy nhiên sẽ xuất hiện câu hỏi: Người dân thực ra sợ cái gì? Sợ ra tòa? Sợ tra tấn? Sợ mất tài sản? Sợ bị trục xuất? Sợ bị hành hình? Dĩ nhiên là không. Những hình thức áp lực dã man nhất của thế lực cầm quyền đối với người dân, may mắn thay, đã trở thành quá khứ – ít nhất là trong hoàn cảnh hiện nay của chúng ta. Hiện nay, việc đàn áp diễn ra dưới hình thức mềm mỏng hơn và có chọn lọc hơn, và cho dù ngay cả ngày nay vẫn còn tồn tại những vụ án chính trị (trong đó ai cũng biết những biện pháp thao túng của chính quyền) thì chúng cũng chỉ đại diện cho mối đe dọa có tính cách cực đoan mà thôi, trong khi trọng tâm chính đã được chuyển sang lĩnh vực của những áp lực đối với đời sống. Song cốt lõi của vấn đề vẫn không mấy thay đổi: chúng ta đều biết rằng, giá trị tuyệt đối của mối đe dọa thật ra không quan trọng bằng giá trị tương đối của nó; vấn đề không phải là người ta bị mất cái gì một cách khách quan, mà là cái đó – trong chuẩn mực của thế giới nơi anh ta sống, với thang bậc giá trị của anh

ta – có giá trị chủ quan như thế nào. Vì thế, thí dụ, nếu hiện nay một người nào đó sợ mất cơ hội làm việc trong lĩnh vực chuyên môn của mình, thì nỗi sợ hãi này cũng mạnh mẽ và có thể tạo ra phản ứng tương tự như khi anh ta bị đe dọa tịch thu tài sản trong hoàn cảnh lịch sử khác. Như vậy, phương thức tạo áp lực đời sống, về mặt nào đó, thậm chí còn mang tính phổ quát hơn: trên đất nước ta, không công dân nào không thể không bị ảnh hưởng đến đời sống (theo nghĩa rộng nhất) – mỗi người đều có gì để mất, vì vậy mà ai cũng có lí do để sợ hãi.

Phạm vi những thứ con người có thể bị mất rất phong phú: từ vô số những đặc quyền đặc lợi của tầng lớp cầm quyền và tất cả những cơ hội đặc biệt phát sinh từ quyền lực, đến cơ hội có một công việc yên ổn, được thăng tiến và trả lương, hay cơ hội có thể được làm việc trong lĩnh vực chuyên môn của mình, cơ hội được học tập, hay cuối cùng là cơ hội ít ra được sống ở mức luật pháp an toàn một cách hạn chế như những công dân khác, và không bị nằm trong tầng lớp đặc biệt của nhóm người không được hưởng cả những điều luật vẫn được áp dụng cho phần còn lại của xã hội, nghĩa là nằm giữa những nạn nhân của chế độ phân biệt đối xử chính trị của nhà nước Tiệp Khắc. Vâng, mỗi người đều có cái để mất. Ngay cả người lao động khiêm tốn nhất cũng có thể bị đưa xuống vị trí công việc thấp kém hơn và được trả lương thấp hơn. Ngay cả anh ta cũng có thể bị trừng phạt nặng nề vì đã nói lên suy nghĩ thực sự của mình trong cuộc họp hay ở quán bia.

Hệ thống áp lực nhắm vào đời sống này thậm chí đã bao trùm lên toàn bộ xã hội và lên mỗi công dân dù dưới dạng những dọa dẫm thường ngày cụ thể hay chỉ như một khả năng chung chung. Tuy nhiên, cũng giống hết như những hình thức áp lực tàn bạo hơn từng được áp dụng trong quá khứ, hệ thống đó không thể hoạt động hữu hiệu nếu như không có một hậu phương quyền lực tự nhiên nằm trong một lực lượng đảm bảo cho nó tính vạn năng, tính toàn diện và quyền hành: *đó là lực lượng cảnh sát nhà nước với quyền lực vô hạn và hiện diện khắp nơi*. Con nhện đáng sợ này đã chăng một mạng lưới vô hình xuyên suốt toàn bộ xã hội, nó là điểm giao kết cục của mọi nỗi sợ hãi, là bằng chứng cuối cùng và không thể chối cãi về sự vô vọng trong mỗi cố gắng của công dân nhằm đương đầu với chính quyền. Và mặc dù đa số dân chúng phần lớn không nhìn thấy tận mắt mạng lưới này và không động chạm được nó thì ngay cả người công dân bình thường nhất cũng biết rằng nó vẫn tồn tại, cũng thừa nhận sự hiện diện lặng lẽ của nó ở mọi nơi và mọi thời điểm, và xử sự sao cho phù hợp – nghĩa là xử sự sao cho những cái tai và con mắt bí mật của mạng lưới này coi mình là người vô tội. Và anh ta biết rất rõ vì sao anh ta phải chứng tỏ như thế: con nhện này có thể tấn công vào cuộc sống của con người ngay cả khi anh ta chưa hẳn đã nằm gọn trong đôi kim độc của nó; anh ta hoàn toàn không bắt buộc phải bị đưa ra thẩm vấn, buộc tội, xét xử hay kết án. Bởi ngay cả những người lãnh đạo của anh ta cũng bị bao bọc trong mạng lưới ấy, và trên mỗi nấc

thang nơi quyết định số phận của anh ta, bao giờ cũng có những kẻ bằng cách này hay cách khác đang hợp tác hay buộc phải hợp tác với cảnh sát. Việc cảnh sát nhà nước thực ra có thể can thiệp vào cuộc sống của con người vào bất kì lúc nào – trong khi anh ta không thể có cách chống đỡ, là thực tế đủ làm cho cuộc sống của con người mất đi tính tự nhiên và chân thực và biến cuộc sống đó thành lối sống đạo đức giả thường trực.

Nếu như nỗi sợ hãi là nguyên nhân của nỗ lực có tính tự vệ nhằm gìn giữ những thứ người ta đang có, thì chúng ta ngày càng có thể nhìn thấy rõ rằng, động cơ chủ yếu cho những nỗ lực hung hăng của con người nhằm giành lấy những thứ họ chưa có chính là *tính ích kỉ và tham vọng địa vị*.

Dường như trong thời gian cuối, hiếm khi nào hệ thống xã hội tỏ ra công khai và trâng tráo đến thế trong việc tạo chỗ đứng cho những kẻ sẵn lòng đồng tình với bất cứ điều gì vào bất cứ lúc nào, miễn là điều đó mang lại lợi ích cho họ; những kẻ nhu nhược và hèn hạ, sẵn lòng làm bất cứ việc gì nhằm thỏa mãn ham muốn quyền lực và thăng tiến cá nhân; những kẻ luồn cúi, không ngần ngại tự hạ thấp nhân phẩm, sẵn sàng bán rẻ người thân cận cũng như danh dự bản thân để lấy lòng cấp trên vào mọi lúc. Trong khung cảnh như thế, không phải ngẫu nhiên khi chính ngày nay, từng ấy quyền hành và chức vụ nhà nước lại nằm trong tay những kẻ đầy tham vọng, cơ hội, bịp bợm và mờ ám; hay đơn giản là nằm trong tay những tên cộng tác viên điển hình, tức là những kẻ

có khả năng đặc biệt trong mọi hoàn cảnh luôn lại tự thuyết phục mình rằng, họ làm công việc như nhuốc này nhân danh bảo vệ một cái gì đó hay ít ra để ngăn những kẻ còn xấu xa hơn bước lên vị trí của họ. Trong khung cảnh như thế, cuối cùng cũng không phải ngẫu nhiên khi chính ngày nay, hiện tượng tham nhũng của đủ mọi viên chức nhà nước – sẵn lòng ăn hối lộ một cách công khai và vì bất kì việc gì, sẵn lòng trơ trên đặt mọi hình thức lợi nhuận cá nhân lên trên hết trong những quyết định của mình – đã đạt tới mức độ cao nhất mà chúng ta có thể ghi nhận được trong thập kỉ cuối này.

Ngày nay, số người thực sự tin tưởng vào bộ máy tuyên truyền nhà nước và vô tư ủng hộ quyền lực lãnh đạo giảm đi chưa từng thấy. Trong khi số những kẻ đạo đức giả ngày một tăng – ở mức độ nào đó, mỗi công dân thực ra đều buộc phải là một kẻ đạo đức giả.

Tình trạng đáng buồn như vậy tuy nhiên có nguyên nhân của nó: trong những năm cuối, hiếm khi nào chế độ lại ít quan tâm tới thái độ thực sự của những công dân mà bề ngoài tỏ ra trung thành, hay tính chân thật trong những lời tuyên bố của họ đến như thế – ví dụ chỉ cần để ý một điều là trong những cuộc tự phê bình hay ăn năn, chẳng ai thực sự quan tâm đến việc người ta làm có chân thật hay không, hay họ làm việc đó chỉ vì lợi ích của mình; thậm chí có thể nói rằng, ít nhiều người ta tự động tính đến khả năng thứ hai mà chẳng hề thấy một biểu hiện phi đạo đức nào trong đó; hơn thế nữa, chính những lợi ích cá nhân lại thường được sử dụng trước tiên

như là lí lẽ để thu được những tuyên bố như thế; không ai cố gắng làm cho kẻ sám hối nhận thức được rằng anh ta đã nhầm lẫn hay có hành động sai trái, mà chỉ cố gắng làm cho anh ta hiểu là đơn giản muốn tồn tại thì anh ta phải sám hối – đồng thời, lợi ích của anh ta thu được từ điều đó được tô đậm lên, trong khi vị đắng sót lại trong miệng sau hành động sám hối ấy lại được tầm thường hóa như thể đấy chỉ là ngộ nhận. Và nếu như có một người lập dị thực tâm sám hối và chúng tôi điều đó chẳng hạn bằng cách từ chối trước phần thưởng tương ứng, thì chắc rằng anh ta sẽ thành nhân vật đáng ngờ ngay cả đối với chính chế độ này.

Thậm chí có thể nói, theo nghĩa nào đó, tất cả chúng ta đều được hối lộ một cách công khai. Nếu bạn nhận chức vụ này, chức vụ kia (dĩ nhiên không phải để phụng sự đồng bào của mình mà để phục vụ lãnh đạo), bạn sẽ được ban thưởng đặc quyền đặc lợi này, đặc quyền đặc lợi nọ. Nếu bạn gia nhập Đoàn thanh niên, bạn sẽ có quyền lợi cũng như điều kiện được hưởng những hình thức giải trí thế này, thế kia. Nếu bạn tham gia sáng tạo trong những cơ quan nhà nước này kia, bạn sẽ có những cơ hội sáng tạo thực sự thế này, thế nọ. Trong thâm tâm bạn nghĩ gì tùy thích, chùng nào bề ngoài bạn tỏ ra đồng tình, chùng nào bạn không gây cản trở, chùng nào bạn còn đè nén được khát vọng chân lí và bịt miệng được lương tâm của mình thì cánh cửa luôn rộng mở đối với bạn.

Tuy nhiên, nếu như nguyên tắc thích nghi bề ngoài là nguyên tắc cơ bản để được sử dụng trong xã hội, thì

những phẩm chất nào trong con người có lẽ sẽ được huy động, và loại người nào có lẽ sẽ được cất nhắc?

Ở đâu đó giữa thái độ tự vệ trước thế giới – do nỗi sợ hãi điều khiển, và sự hung hăng chinh phục thế giới – được dẫn dắt bởi ham muốn lợi ích cá nhân, là một lĩnh vực trải rộng mà sẽ là sai lầm nếu ta bỏ qua nó, bởi ngay cả lĩnh vực này cũng có vai trò quan trọng trong việc cùng hình thành bầu không khí đạo đức trong “xã hội thống nhất” ngày nay: *đó là thái độ bàng quan và mọi điều liên quan với nó.*

Sau những chấn động lịch sử gần đây và sau khi thấy chế độ nào đã được thiết lập trên đất nước, người dân dường như đã đánh mất niềm tin vào tương lai, vào khả năng cải tổ những vấn đề xã hội, vào ý nghĩa của cuộc đấu tranh vì chân lí và công lí. Họ từ bỏ mọi điều nằm ngoài giới hạn những lo lắng thường nhật cho việc đảm bảo cá nhân; họ tìm mọi cách khác nhau để trốn chạy; họ rơi vào trạng thái lãnh đạm, bàng quan với những giá trị cao hơn cá nhân và bàng quan với đồng bào của mình, họ trở thành thụ động và chán nản về mặt tinh thần. Và ai còn tiếp tục cố gắng chống đối, thí dụ, bằng cách từ chối tiếp nhận nguyên tắc đạo đức giả như giải pháp để tồn tại vì nghi ngờ giá trị của những thắng tiến được mua bằng sự vong thân với chính mình, người đó sẽ bị môi trường ngày càng bàng quan xung quanh coi là một kẻ kì quặc, điên khùng, một Don Quixote – và cuối cùng chắc chắn sẽ bị tiếp nhận với ác cảm nhất định như một kẻ có hành vi khác hẳn số đông, hơn nữa ở cá nhân

đó còn có mối nguy hiểm, rằng bằng hành vi của mình, anh ta sẽ đặt tấm gương phê phán lên trước mặt những người xung quanh. Hoặc khả năng thứ hai là, cộng đồng bàng quan ấy bề ngoài thì khai trừ cá nhân đó ra khỏi tập thể của mình hay tránh xa anh ta như được yêu cầu, nhưng lại đồng tình với anh ta một cách bí mật hay riêng tư, với hi vọng rằng, bằng việc đồng tình một cách che giấu với người đã có hành động mà chính họ đáng lẽ phải làm nhưng không thể, họ sẽ làm toại nguyện lương tâm của mình.

Thái độ bàng quan này, tuy nhiên – nghịch lí thay – là một nhân tố xã hội rất tích cực: chẳng phải nhiều người đi tới hòm phiếu bầu cử, tham dự họp hành, tham gia những tổ chức nhà nước, không hẳn do sợ hãi mà đơn giản là do bàng quan? Chẳng phải các hoạt động có vẻ như thành công đến thế để ủng hộ chế độ về mặt chính trị thường chỉ là việc của những lễ thói, thói quen, hành động vô thức và lười nhác, mà ẩn nấp đằng sau chúng thực ra không là gì khác ngoài sự buông xuôi hoàn toàn? Tham gia tất cả những nghi thức chính trị này, những thứ mà chẳng ai tin, là việc làm tuy vô nghĩa, nhưng ít nhất đảm bảo được sự yên ổn – thế còn không tham gia thì sẽ có ý nghĩa gì? Sẽ không đạt được gì, hơn nữa người ta có thể sẽ mất luôn cả sự yên ổn kia.

Đa số dân chúng không muốn sống trong cuộc xung đột bất tận với chính quyền, chủ yếu vì xung đột ấy không thể dẫn đến gì khác ngoài sự thất bại của cá nhân đơn độc. Vậy thì tại sao người ta lại không làm những việc

được yêu cầu? Anh ta sẽ không mất gì cả, và dần dần anh ta sẽ thôi cả nghĩ ngợi: những việc đó không đáng để anh ta phải suy nghĩ.

Tuyệt vọng dẫn tới thờ ơ, thờ ơ rồi sẽ thích nghi, thích nghi dẫn tới thi hành theo thói quen (sẽ phục vụ như bằng chứng cho việc tham gia hoạt động chính trị quần chúng). Tổng hợp tất cả những điều đó tạo ra khái niệm đương thời về cái gọi là cách xử thế thông thường – một khái niệm cực kì yếm thế trong bản chất.

Con người càng thoái lui trước khả năng sửa đổi tình hình chung, càng không hề quan tâm tới những giá trị và mục tiêu cao hơn cá nhân, nghĩa là từ bỏ cơ hội tác động “hướng ngoại”, thì năng lượng của anh ta càng chuyển hướng sang nơi gặp ít cản trở nhất: sang “hướng nội”. Dân chúng hiện nay quan tâm đến bản thân, đến tổ ấm, gia đình và ngôi nhà của mình hơn rất nhiều, ở đó họ tìm thấy sự yên ổn, ở đó họ có thể quên đi mọi trớ trêu của cuộc đời, và ở đó họ có thể tự do thể hiện tính sáng tạo của mình. Họ kiếm về nhà những thiết bị và đồ vật đẹp mắt, mong muốn nâng cấp nhà cửa, làm cho cuộc sống của mình trở nên dễ chịu hơn, họ xây nhà nghỉ, chăm sóc xe cộ, quan tâm nhiều hơn tới ăn mặc, tiện nghi gia đình, đơn giản là họ chuyển sang quan tâm trước hết đến khía cạnh vật chất trong đời sống riêng tư của mình.

Định hướng xã hội này một cách dễ hiểu đã dẫn đến những kết quả thuận lợi về mặt kinh tế: dưới áp lực của nó, lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng và dịch vụ công cộng

vốn bị sao lãng nay được phát triển; nó có ảnh hưởng đến việc nâng cao mức sống của dân chúng nói chung; về mặt kinh tế quốc dân, nó là nguồn năng lượng năng động đáng kể, ít nhất phần nào có khả năng hoàn thành những nhiệm vụ trong việc gia tăng tài sản vật chất xã hội mà kinh tế nhà nước cứng nhắc, quan liêu và năng suất thấp khó có thể kham được (chỉ cần so sánh số lượng và chất lượng công việc của các công ty xây dựng quốc doanh và tư nhân).

Chính quyền hoan nghênh và ủng hộ việc chuyển dòng năng lượng sang lãnh địa “tư”. Nhưng vì sao?

Vì những kết quả mang lại như một kích tố thuận lợi đối với việc phát triển kinh tế quốc dân? Chắc chắn đó cũng là một lí do. Tuy nhiên việc toàn bộ tinh thần của bộ máy tuyên truyền và hoạt động chính trị hiện hành, một cách kín đáo nhưng có hệ thống, đang đẩy xu hướng “hướng nội” này thành nội dung cơ bản nhất của cuộc sống con người trên thế gian, đã bộc lộ quá rõ, thực chất vì sao chính quyền hoan nghênh việc chuyển dòng năng lượng như vậy: trước hết vì – từ nguồn gốc tâm lí – đó là sự trốn chạy khỏi lãnh địa “công cộng”. Linh cảm đúng đắn rằng, năng lượng đã được sử dụng đó – nếu được “hướng ngoại” – sớm muộn gì cũng quay ra chống lại chính quyền (hoặc chống lại hình thức quyền lực mà nó không có ý định từ bỏ), *chính quyền không ngăn ngại giả mạo cuộc sống con người bằng cái thực ra chỉ là thể phẩm tuyệt vọng của nó*. Và thế là để điều khiển xã hội được dễ dàng, chính quyền cố tình hướng mỗi quan tâm của xã

hội ra khỏi chính nó, nghĩa là ra khỏi những chủ đề mang tính xã hội: cột mọi chú ý của con người vào những lợi ích tầm thường thuần vật chất để anh ta mất khả năng ghi nhận mức độ cưỡng ép ngày càng nặng nề về tinh thần, chính trị và đạo đức; quy giản con người thành kẻ chỉ biết chứa những lí tưởng của xã hội tiêu dùng thô sơ nhằm biến anh ta thành loại vật liệu dễ sai bảo cho sự thao túng toàn diện; và nguy cơ rằng con người có thể khát khao một số trong vô vàn những lựa chọn không dự đoán được mà anh ta với tư cách *con người* được có, phải bị đè bẹp ngay từ phôi thai bằng cách giam chặt anh ta trong giới hạn nghèo nàn của những lựa chọn dành cho *người tiêu dùng* trong điều kiện hạn chế của thị trường do trung ương quản lí.

Mọi bằng chứng đều cho thấy chính quyền đang xử sự đúng như cách xử sự của loài sinh vật mà mục đích duy nhất của chúng là tự bảo toàn. Cố gắng bám theo con đường ít chống đối nhất, họ hoàn toàn không quan tâm tới cái giá phải trả cho việc làm này: đó là *hành động tấn công nặng nề vào sự toàn vẹn nhân tính*, là *sự cắt xén tàn nhẫn nhân tính con người*.

Trong khi ấy, chính chính quyền này vẫn dai dẳng dùng ý thức hệ cách mạng để tự chính danh hóa nó như một chế độ, trong đó lí tưởng giải phóng con người một cách toàn diện giữ vai trò trung tâm! Nhưng trên thực tế, ở đâu còn tồn tại con người được phát triển nhân cách một cách đa dạng, hài hòa và đích thực? Con người được giải phóng khỏi sự giam cầm của những bộ máy

xã hội chuyên cướp đoạt, khỏi những thang bậc giá trị cuộc sống huyền hoặc, khỏi những quyền tự do giả mạo, khỏi sự độc tài của của cải và quyền lực hấp dẫn của đồng tiền? Con người được hoàn toàn tận hưởng công lí xã hội và pháp luật, được đóng góp một cách sáng tạo vào các quyền lực kinh tế và chính trị, con người được nâng cao trong nhân phẩm và được trở lại chính mình? Thay vì được tự do tham gia cùng quyết định những vấn đề kinh tế, tự do tham gia đời sống chính trị và tự do phát triển tinh thần, cuối cùng người dân chỉ được mời chào cơ hội được tự do quyết định sắm sửa cái máy giặt hay tủ lạnh loại nào.

Tức là: phía trước là mặt tiền hoành tráng với những lí tưởng nhân văn cao cả, đằng sau nó là ngôi nhà khiêm nhường của anh thị dân trưởng giả thời xã hội chủ nghĩa. Một mặt là những khẩu hiệu khoa trương về sự phát triển chưa từng thấy mọi quyền tự do, và sự đa dạng chưa từng có trong cấu trúc đời sống – mặt kia là một màu xám xịt và trống rỗng chưa từng thấy của cuộc sống bị quy giản thành cuộc săn lùng hàng hóa.

Đứng đầu đó trên đỉnh của hệ thống áp lực thao túng, cái biến con người thành thành viên ngoan ngoãn u mê của bầy đàn tiêu thụ – như tôi đã nhắc ở trên – là lực lượng ngầm ẩn và toàn quyền: đó là cảnh sát nhà nước. Có lẽ không phải ngẫu nhiên mà lực lượng này có thể minh họa một cách hình tượng đến thế vực thẳm ngăn cách mặt tiền ý thức hệ với hiện thực hàng ngày: bất kì ai không may có dịp tiếp xúc trực tiếp với “phong cách

làm việc” của cơ quan này, hẳn phải nực cười khi được chính thức nghe lời giải thích phỉnh phờ về mục đích của nó: hay có thể tin rằng những rình rập như bản của hàng ngàn kẻ chỉ điểm nghiệp dư và cảnh sát chìm chuyên nghiệp, những tên tiểu nhân hám danh, vụ lợi và các công chức quan liêu đầy mặc cảm, xảo quyệt, đố kỵ và ác ý, mớ bong bóng hôi hám của những vụ bội phản, những chứng cứ vắng mặt ngụy tạo, những lừa lọc, dèm pha và thủ đoạn – là phong cách của người công nhân bảo vệ chính quyền nhân dân và những thành tựu cách mạng chống lại mưu mô của kẻ thù? Rốt cuộc, kẻ thù lớn nhất đối với chính quyền đích thực của giai cấp công nhân – nếu như mọi việc không bị lộn ngược từ chân lên đầu – lẽ ra phải chính là tên tiểu nhân vụ lợi sẵn sàng làm mọi việc và chẳng ngại ngần trước bất cứ điều gì, kẻ chạy chữa sự tự ti què quặt của mình bằng cách tố cáo đồng bào, kẻ có thể được nhận diện dễ dàng đến thế đằng sau công việc thường ngày của cảnh sát mật như tác giả tinh thần thực thụ cho “phong cách làm việc” của họ!

Theo tôi, khó có thể giải thích toàn bộ sự tương phản lộ bịch giữa lí thuyết và thực tiễn khác hơn rằng, đó là hậu quả tự nhiên của sứ mệnh đích thực của cảnh sát nhà nước ngày nay: không phải để bảo vệ sự phát triển tự do của con người trước những kẻ cưỡng bức, mà là bảo vệ những kẻ cưỡng bức trước mối đe dọa từ bất kì cố gắng nào của con người để được phát triển tự do.

Mâu thuẫn giữa học thuyết cách mạng về con người mới và đạo đức mới và quan niệm thấp kém về cuộc sống

như hạnh phúc tiêu dùng, làm thức dậy câu hỏi, thực chất vì sao chính quyền lại bám chặt vào ý thức hệ của họ đến thế. Rõ ràng chỉ vì, ý thức hệ – như một hệ thống truyền thông mang tính nghi thức được thông lệ hóa – đã bảo đảm cho họ vẻ ngoài của tính chính danh, liên tục và nhất quán, và phục vụ như chiếc mặt nạ uy tín cho hoạt động thực dụng của họ.

Tuy nhiên những quan tâm cụ thể thực sự của hoạt động đó đồng thời phải ngấm vào ý thức hệ chính thức ở mọi nơi: từ trong tim gan một núi vô tận những ngôn từ hoa mỹ về ý thức hệ mà nhà cầm quyền vẫn luôn dùng để tác động tới con người, và phần lớn bị bỏ ngoài tai bởi giá trị thông tin trống rỗng của nó – cuối cùng thực sự vọng đến anh ta là thông điệp duy nhất cụ thể và có ý nghĩa như một lời khuyên thực tế: hãy tránh xa chính trị nếu có thể – đấy là việc của chúng tôi, hãy chỉ làm những gì chúng tôi nói, đừng triết lý thừa và đừng chõ mũi vào những việc không liên quan đến anh, ngậm miệng lại, hãy làm việc của mình, hãy tự lo cho mình – và anh sẽ bình an.

Con người đã nghe theo lời khuyên này: nói cho cùng, sự cần thiết lo lắng cho cuộc sống cá nhân là điều duy nhất mà nói chung người ta có thể không khó khăn đồng thuận với chính phủ. Vậy thì tại sao lại không tận dụng điều đó? Nhất là khi đảng nào cũng chẳng làm được gì khác.

Toàn bộ tình hình mà tôi vừa cố gắng thâm tóm những nét cơ bản nhất ở đây sẽ dẫn đến những hậu quả như thế nào? Hay nói cách khác, hệ thống xây dựng trên nỗi sợ hãi và thờ ơ, đẩy con người vào hang ổ của cuộc sống thuần vật chất và tạo cho họ thói đạo đức giả như nguyên tắc giao tiếp chủ yếu với xã hội – sẽ có tác động gì với nhân dân và biến người dân thành cái gì? Nền chính trị mà mục đích duy nhất của nó là trật tự bề ngoài và sự phục tùng toàn diện – bất chấp bằng phương tiện gì và với giá nào để đạt được điều đó, sẽ đẩy xã hội đi đến đâu?

Không cần có trí tưởng tượng phong phú cũng có thể hiểu rằng, tình hình như thế không thể dẫn tới điều gì khác ngoài sự xói mòn từng bước tất cả các tiêu chuẩn đạo đức, sự mục rữa mọi thước đo của cách sử xử đúng đắn và sự suy yếu sâu rộng niềm tin vào ý nghĩa của những giá trị như sự thật, sự trung thành với nguyên tắc, sự thẳng thắn, tính không vụ lợi, phẩm cách và danh dự. Nó không dẫn tới điều gì khác ngoài việc nhấn chìm cuộc sống xuống mức sống thực vật, tức là xuống tới tình trạng thoái hóa đạo đức trầm trọng do mất hi vọng và do khủng hoảng trong cảm nhận ý nghĩa cuộc sống. Nó không dẫn tới điều gì khác ngoài việc làm sống lại khía cạnh bi kịch của vị trí con người nói chung trong nền văn minh kỹ thuật hiện đại, cái liên quan tới chân trời tuyệt đối đang dần mai một và điều mà tôi có thể gọi là *sự khủng hoảng bản sắc con người*: hay chẳng lẽ hệ thống kiên quyết đòi con người phải trở thành một con người khác lại có thể phanh hãm quá trình tan rã sự đồng nhất của con người với chính mình?

Trật tự đã đạt được. Cái giá phải trả là tinh thần bị tê liệt, con tim trở lì và cuộc sống bị tàn phá. Sự củng cố bề ngoài đã đạt được. Cái giá phải trả là *khủng hoảng xã hội về mặt đạo đức và tinh thần*.

Tuy nhiên, điều tồi tệ nhất của cuộc khủng hoảng này là nó đang tiếp tục nhấn sâu hơn nữa: chỉ cần nhìn cao hơn một chút so với góc nhìn hạn chế hàng ngày, chúng ta sẽ hoảng sợ nhận ra rằng, tất cả chúng ta đã từ bỏ nhanh chóng đến thế nào những quan điểm mà mới hôm qua ta còn không chịu nhượng bộ: những gì mà hôm qua nhận thức xã hội còn coi là không đúng đắn thì hôm nay lại được tha thứ như thường, để ngày mai rõ ràng sẽ được coi là đương nhiên và ngày kia thậm chí có thể sẽ là phép khuôn mẫu mực. Những gì mà mới hôm qua chúng ta còn tuyên bố là không bao giờ có thể quen, hoặc đơn giản coi là không thể, thì hôm nay chúng ta không chút ngạc nhiên chấp nhận như một thực tế. Và ngược lại, có những điều mà chỉ cách đây không lâu còn là lẽ đương nhiên, hôm nay ta đã coi là ngoại lệ – và chẳng bao lâu nữa – ai biết được – chúng ta sẽ coi là lý tưởng không thể với tới.

Những biến chuyển trong thước đo về điều “tự nhiên” và điều “bình thường”, cũng như những thăng trầm trong cảm nhận đạo đức của xã hội mấy năm vừa qua, thật ra lớn hơn có thể thoát tưởng. Thường xuyên kề cận với tình trạng trở lì ngày càng gia tăng, đương nhiên khả năng nhận thức sự trở lì này cũng bị trở lì.

Căn bệnh như đã lan tràn từ lá và quả xuống tới thân và gốc rễ. Do đó, điều đáng để chúng ta lo ngại nhất chính là viễn cảnh tương lai đang được tạo dựng từ trong thực trạng hiện tại.

Xã hội trong nội tâm phát triển hơn, phong phú và chọn lọc hơn, trước hết là do khả năng tự nhận thức mình ngày một sâu sắc hơn, toàn diện hơn và tinh tế hơn.

Phương tiện cơ bản để *xã hội tự nhận thức mình* là *văn hóa*. Là một lĩnh vực hoạt động cụ thể của con người, văn hóa có ảnh hưởng – mặc dù thường rất gián tiếp – tới trạng thái tinh thần xã hội và đồng thời luôn chịu ảnh hưởng bởi chính trạng thái đó.

Nơi sự phát triển nội tâm đa dạng của xã hội bị chế độ cai trị toàn diện đè bẹp hoàn toàn thì văn hóa tất yếu sẽ bị đàn áp trước tiên: không chỉ “tự động” như đàn áp một điều gì có bản chất cốt lõi trái ngược hoàn toàn với “tinh thần” của mọi thao túng xã hội, mà còn một cách “hệ thống”: từ lo sợ chính đáng, rằng trước hết thông qua chính văn hóa như phương tiện để tự nhận thức, xã hội sẽ nhận thức được cả mức độ bị cưỡng bức. Văn hóa giúp xã hội mở rộng quyền tự do và khám phá sự thật – vậy thì làm sao nó có thể hấp dẫn một chính quyền có bản chất chính là sự đàn áp những giá trị đó? Chính quyền này chỉ công nhận một “sự thật” duy nhất: sự thật mà họ hiện tại đang cần. Và công nhận một “tự do” duy nhất: tự do tung hô “sự thật” đó.

Thế giới của “sự thật” không phát triển từ môi trường biến chứng của nhận biết đích thực mà chỉ từ môi trường của những quan tâm quyền lực, là thế giới của những tư tưởng vô sinh, những giáo điều xơ cứng, những tín điều cứng nhắc bất di bất dịch cùng với sự chuyên quyền thực dụng như hệ quả tự nhiên của chúng.

Đó là thế giới của những cấm đoán, hạn chế và mệnh lệnh. Là thế giới nơi mà chính sách văn hóa trước hết có nghĩa là những hoạt động của cảnh sát văn hóa.

Người ta đã viết và nói nhiều về mức độ tàn phá kì dị mà nền văn hóa hiện nay của chúng ta đang phải chịu đựng; về hàng trăm nhà văn và tác phẩm bị cấm đoán; về hàng chục tạp chí phải đình bản; về tất cả các danh mục xuất bản và trình diễn bị cắt xén tan hoang và mọi mối liên hệ với trạng thái tinh thần xã hội bị cắt đứt; về các phòng triển lãm bị cướp bóc; về bảng màu kì quái của những đàn áp và phân biệt kì thị được áp dụng trong lĩnh vực này; về tất cả các hội đoàn văn nghệ sĩ và rất nhiều viện khoa học tồn tại cho đến nay bị quét sạch, và thay thế chúng là những hội bù nhìn được quản lí bởi một tập những kẻ cuồng tín hung hăng, những kẻ háo danh có tiếng, những kẻ hèn nhát vô vọng và những kẻ tham vọng bất tài đã nắm lấy cơ hội lớn trong khoảng trống chân không tổng thể. Thay vì mô tả lại tất cả những chuyện này một lần nữa, tôi sẽ cố gắng nói lên một số suy nghĩ về những khía cạnh sâu hơn của tình trạng đó và có liên quan đến đề tài của bức thư này.

Trước hết, dù tình hình hiện nay có xấu đến đâu, điều đó cũng không có nghĩa là văn hóa đã hoàn toàn không còn tồn tại. Nhà hát vẫn biểu diễn, truyền hình vẫn phát sóng hàng ngày và cả sách vẫn được xuất bản. Nhưng toàn bộ nền văn hóa hợp pháp và công khai này có một đặc điểm căn bản: đó là *sự ngoại hiện* tổng quát, bởi nó đã hoàn toàn tách rời khỏi bản chất cốt lõi nhất của văn hóa, do *văn hóa – như chính phương tiện tự nhận thức của con người và như vậy của cả xã hội – đã bị thiếu hoàn toàn*. Và ngày nay nếu như một giá trị xuất sắc không thể chối cãi xuất hiện – thí dụ – cho phép tôi tiếp tục trong môi trường nghệ thuật – một vai diễn tuyệt vời, thì giá trị đó sẽ xuất hiện như một điều gì được khoan dung chỉ nhờ sự tinh tế và bay bổng, và nghĩa là trên quan điểm của chính quyền, nhờ tính tương đối vô hại trong ảnh hưởng của nó tới sự tự nhận thức của xã hội. Nhưng ngay cả ở đây – khi ảnh hưởng ấy vừa mới bắt đầu được cảm nhận rõ ràng hơn – thì chính quyền đã bắt đầu chống trả theo bản năng (chúng ta từng biết đến trường hợp những nghệ sĩ có tài bị cấm đoán, về cơ bản chỉ vì tài năng của họ quá lớn).

Nhưng đó không phải là điều tôi muốn nói ở đây. Câu hỏi tôi quan tâm là sự ngoại hiện ấy thể hiện như thế nào trong những lĩnh vực, nơi có công cụ để gọi tên thẳng thắn hơn trải nghiệm của con người trên thế giới, nghĩa là nơi mà chức năng thúc đẩy sự tự nhận thức của xã hội được thực thi một cách rõ ràng hơn.

Xin dẫn một thí dụ, giả sử một tác phẩm văn học, một vở kịch chẳng hạn, được công bố – việc đó đôi khi cũng xảy ra – và không thể phủ nhận sự khéo léo, tính thuyết phục, giàu ý tưởng và ý nghĩa của nó. Dù tác phẩm như vậy ngoài ra có như thế nào đi nữa thì chúng ta luôn biết chắc chắn một điều: dù do kiểm duyệt hay tự kiểm duyệt, do bản tính của nhà văn hay do sự tự huỷ hoại của ông ta, do hậu quả của sự nhần nhục hay tính toán, tác phẩm đó ngay chỉ một li cũng không vượt quá khuôn khổ những tôn sùng của những nhận thức xã hội theo thông lệ, tầm thường, và vì vậy về bản chất là giả tạo, đưa ra và tiếp nhận không phải là những trải nghiệm thực sự của thế giới, mà chỉ những ảo tưởng của trải nghiệm, được hợp lại từ một mớ những trải nghiệm vụn vặt, rời rạc, nhần nhục, cũ mòn hay những cái bóng đã chết nào đó của trải nghiệm từ lâu đã được ý thức xã hội chấp nhận và thuần hóa. Dẫu vậy – hay đúng hơn là chính vì vậy – bao giờ cũng có hàng loạt người coi tác phẩm như thế là thú vị, lôi cuốn, cảm động và có gì đó hấp dẫn – mặc dù nó không hề tỏa sáng bởi ánh chớp của nhận thức đích thực, theo nghĩa là nó tiết lộ điều gì đó chưa biết, nói lên điều gì đó chưa được nói, hoặc đưa ra những dấu vết mới mẻ, tự phát và ấn tượng về điều cho đến nay mới chỉ là linh cảm. Nói ngắn gọn, bằng cách mô phỏng thế giới hiện thực, tác phẩm như vậy về cốt lõi đã giả mạo thế giới hiện thực. Còn về hình thức cụ thể của sự ngoại hiện này, không phải ngẫu nhiên mà ở đây nó được rót ra thường xuyên nhất từ một thùng bia, ở nước ta đã thành truyền

thống – nhờ sự vô hại đã được công nhận của những gì nó chứa bên trong – được đứng dưới ánh sáng ưu đãi của chính quyền, dù tư sản hay vô sản: tôi muốn nói về *thẩm mỹ học tầm thường* định cư trong chiều kích của thói đạo đức thân mật tiểu thị dân; về triết lí ủy mị của tính nhân đạo láng giềng; về kiểu vui nhộn nơi góc bếp; về quan niệm tình lẻ về thế giới, dựa trên niềm tin vào lòng tốt nói chung; tôi muốn nói tới cái thẩm mỹ học mà trụ cột của nó là sự sùng bái chủ nghĩa trung bình khôn ngoan dựa trên nền tảng của tinh thần tự thỏa mãn dân tộc mục nát, được điều khiển bởi nguyên tắc nghiêng nhào, xé nhỏ, mài nhẵn và cuối cùng kết thúc trong tinh thần lạc quan giả tạo của cách diễn giải thấp kém nhất câu khẩu hiệu “sự thật chiến thắng”.

Những tác phẩm nhằm văn học hóa tư tưởng chính trị của chính phủ – chắc chắn như ông cũng biết – hiện nay rất hiếm, và chất lượng rõ ràng rất thấp về mặt chuyên nghiệp. Đó không chỉ do không có ai sáng tác chúng mà chắc chắn còn vì, về cơ bản – ngay cả khi có thể có cảm giác như ngược đời – những tác phẩm như thế cũng không được hoan nghênh đặc biệt: trên quan điểm triết lí sống thực sự ngày nay – tức là triết lí sống tiêu thụ – nếu như tồn tại những tác phẩm như thế, nếu như chúng có chất lượng chuyên nghiệp cao và thu hút được sự quan tâm của ai đó – thì chúng sẽ hướng sự chú ý quá nhiều “ra bên ngoài”, sẽ gọi lại quá nhiều những vết thương cũ, và bằng tính chính trị rộng rãi và quyết liệt của mình sẽ tạo nên phản ứng chính trị một cách rộng rãi và quyết liệt, và vì thế sẽ khuấy động quá nhiều những làn nước đáng ra

phải giữ sao cho đúng yên nhất. Đối với những mối quan tâm thật sự của nhà cầm quyền hiện nay thì điều mà tôi gọi là thẩm mỹ học của sự tầm thường phù hợp hơn rất nhiều. Bởi nó bỏ qua sự thật một cách kín đáo hơn, dễ chấp nhận hơn, đáng tin hơn và nhận thức thông thường cũng tự nhiên tiếp nhận nó dễ dàng hơn, và vì thế nó có thể thực hiện tốt hơn nhiệm vụ mà triết lí sống tiêu thụ đã giao cho văn hóa: không kích động dân chúng bằng sự thật mà trấn an họ bằng những điều dối trá.

Dĩ nhiên những tác phẩm kiểu này bao giờ cũng chiếm số lượng áp đảo. Nhưng cho đến nay, ở nước ta bao giờ cũng tồn tại ít nhất là những kẽ hở cho cả những tác phẩm, mà có thể nói rằng bằng cách này hay cách khác chuyển tải sự tự nhận thức của con người một cách chân thực hơn, đến được với công chúng. Số phận những tác phẩm ấy tuy không khi nào đặc biệt dễ dàng – chúng không chỉ gặp sự chống trả từ phía chính quyền mà còn từ những nhận thức theo thông lệ, lười nhác và theo quán tính – nhưng cho đến nay, luôn bằng cách bí ẩn nào đó, quanh co và ít khi ngay lập tức, những tác phẩm này dù vậy cuối cùng cũng đến được với con người và xã hội, và bằng cách đó thực hiện được vai trò “giúp xã hội tự nhận thức” của văn hóa.

Ngoài ra chúng không có mục đích nào khác nữa . Song theo tôi, đó chính là mục đích quan trọng nhất. Tuy vậy, chính phủ hiện nay đã làm cho việc ấy – và có thể chứng minh rằng, đây là lần đầu tiên điều này xảy ra kể từ

Thời kì Hồi sinh của dân tộc¹ – trở thành gần như hoàn toàn bất khả thi: hệ thống quản lí văn hóa quan liêu ngày nay thật chính xác và kĩ lưỡng làm sao, việc giám sát mọi kẻ hở mà qua đó những tác phẩm có ảnh hưởng có thể lọt ra thế giới thật hoàn hảo làm sao, nỗi sợ chính quyền và nỗi sợ nghệ thuật của tốp người giữ trong túi áo mình chìa khóa mở mọi cánh cửa, thật to lớn làm sao.

Chắc chắn ông hiểu rằng, lúc này tôi không còn nói đến danh mục dài hàng trang những văn nghệ sĩ bị cấm đoán hoàn toàn hay một phần, mà tôi nói đến cái danh mục còn tồi tệ hơn rất nhiều: đấy là “danh mục khổng”, trong đó, và trước nhất, là tất cả những gì có chứa tia lửa mỏng manh của suy nghĩ mới lạ hơn, nhận biết sắc sảo hơn, mức độ chân thành cao hơn, ý tưởng độc đáo hơn, hình thức thuyết phục hơn, – tôi đang nói đến lệnh bắt giữ sơ bộ tất cả những gì có mầm mống tự do, và vì vậy cũng có nghĩa là tất cả những gì “văn hóa” theo nghĩa sâu sắc nhất của từ này. Tôi đang nói đến *lệnh bắt giữ văn hóa* do chính phủ của ông ban hành.

Việc này lại một lần nữa gợi lên câu hỏi mà tôi đã đặt ra từ đầu ở đây: Tất cả những chuyện này – thực sự – có ý nghĩa gì? Nó sẽ dẫn đến đâu? Nó sẽ có tác dụng như thế nào với xã hội?

¹ Thời kì Hồi sinh dân tộc Séc: quá trình diễn ra trong Đế chế Áo vào cuối thế kỷ 18 tới năm 1848 do tầng lớp trí thức Séc bấy giờ chủ trương. Mục đích chính là nâng cao ngôn ngữ Séc thành ngôn ngữ của học vấn, khuyến khích người dân Séc về ý thức dân tộc. Thời kì này là một phần quan trọng trong quá trình chuyển hóa xã hội phong kiến thành xã hội dân sự. – ND

Một lần nữa, tôi xin trả lời bằng một thí dụ: như đã biết, ở nước ta hầu hết các tạp chí văn hóa trước kia đều đã ngừng phát hành. Nếu tạp chí nào còn sống sót thì cũng bị chỉnh sửa đến mức không đáng được coi là tờ tạp chí nghiêm túc.

Việc này đã dẫn tới điều gì?

Thoạt nhìn nói chung không có chuyện gì xảy ra: xã hội vẫn tiếp tục hoạt động – ngay cả khi không có tất cả những tạp chí văn học, nghệ thuật, sân khấu, triết học, lịch sử và những tờ tạp chí khác. Số lượng của những tạp chí đó – dù rằng trong thời kì khi chúng còn tồn tại – cũng chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiềm ẩn của xã hội, tuy nhiên chúng vẫn hiện diện và vẫn đóng vai trò của mình. Có bao nhiêu người hiện nay còn thực sự cảm thấy thiếu vắng những ấn bản đó? Có lẽ chỉ vài chục ngàn độc giả từng đăng kí mua chúng, nghĩa là chỉ một phần rất nhỏ trong xã hội.

Tuy vậy đó là sự mất mát sâu sắc hơn và có ý nghĩa hơn rất nhiều so với cảm tưởng có thể có trên phương diện số lượng. Song phạm vi ảnh hưởng thực sự của sự mất mát ấy – một lần nữa – lại ngấm ẩn và khó có thể diễn đạt bằng những số liệu chính xác.

Sự thủ tiêu bằng bạo lực một tờ tạp chí như thế – thí dụ như tạp chí lí luận sân khấu – không chỉ là sự mất mát cho những độc giả thật sự của tờ báo ấy, hay thậm chí cũng không chỉ là đòn tấn công nặng nề vào văn hóa kịch nghệ. Nó đồng thời – và trước hết – là sự thủ tiêu một cơ

quan tự nhận thức của xã hội, và sự thủ tiêu như vậy nhất thiết cũng là sự can thiệp khó mô tả chính xác vào mạng lưới phức tạp của quá trình luân chuyển, trao đổi và chuyển hóa các chất đảm bảo duy trì sự sống cho một cơ thể nhiều tầng lớp như xã hội hiện đại. Nó là đòn giáng vào động lực tự nhiên của các quá trình diễn ra trong cơ thể đó; là sự làm rối loạn những tương tác cân bằng của rất nhiều chức năng, những tương tác phản ánh mức độ phức tạp trong cấu trúc bên trong mà cơ thể xã hội đã đạt được. Và cũng giống như khi bị thiếu một vitamin nhất định quá lâu – nhìn từ phương diện số lượng chỉ là một thành phần không đáng kể trong toàn bộ chế độ ăn uống của con người – tuy vậy vẫn có thể gây bệnh tật cho anh ta, sự mất mát chỉ một tạp chí duy nhất – từ viễn cảnh lâu dài – cuối cùng có thể gây ra cho cơ thể xã hội những tác hại lớn hơn ta thoát tưởng. Và tác hại sẽ như thế nào nếu chúng ta bị mất không chỉ một tạp chí mà về cơ bản tất cả các tạp chí?

Có thể dễ dàng chứng tỏ rằng, ý nghĩa thực sự của nhận thức, tư tưởng và sáng tạo trong thế giới phân tầng của xã hội có văn hóa không bao giờ bị hoàn toàn giới hạn bởi ý nghĩa của những giá trị này đối với nhóm người cụ thể có liên quan khởi đầu trực tiếp về mặt vật chất với chúng, dù là tích cực hay thụ động. Số người đó hầu như bao giờ cũng chỉ là một con số nhỏ, trong lĩnh vực khoa học còn ít hơn trong nghệ thuật, nhưng nhận thức họ mang lại, mặc dù được chuyển tải qua nhiều bậc trung gian, cuối cùng có thể có ảnh hưởng sâu sắc đối

với toàn bộ xã hội, cũng giống như nền chính trị có tính đến đe dọa bằng vũ khí hạt nhân có liên quan trực tiếp tới mỗi chúng ta, trong khi đa phần chúng ta không hề trải nghiệm trực tiếp những suy luận vật lý lý thuyết dẫn đến việc chế tạo bom nguyên tử. Lịch sử cũng minh họa điều tương tự đối với những nhận thức nhân văn bằng rất nhiều thí dụ về các làn sóng bộc phát bất thường trong toàn xã hội về mặt văn hóa, chính trị và đạo đức, mà cốt lõi tinh thể ban đầu hay chất xúc tác của những bộc phát ấy chính là hành động tự nhận thức của xã hội, được thực hiện và được trải nghiệm một cách trực tiếp chỉ do một nhóm cá nhân khá nhỏ và khép kín. Hành động này thậm chí sau đó có thể nằm lại ngoài khuôn khổ tri giác trực tiếp của tổng thể xã hội, dù vậy nó vẫn là điều kiện không thể thiếu của những bộc phát xã hội. Vì chúng ta không bao giờ biết khi nào tia lửa kín đáo của nhận thức được nhóm lên trong phạm vi một vài tế bào – như thể chuyên làm nhiệm vụ tự nhận thức cho cơ thể – sẽ bắt ngờ chiếu sáng con đường cho toàn xã hội, mặc dù xã hội có thể sẽ hoàn toàn không biết được vì sao nó lại nhận ra con đường đó. Nhưng đấy cũng chưa phải là tất cả. Thậm chí ngay cả vô số ánh chớp nhận thức tuy không bao giờ chiếu rọi được con đường cho tổng thể xã hội, nhưng vẫn có giá trị vô cùng quan trọng đối với nó, cho dù cái ý nghĩa ấy không ở trong bất cứ điều gì khác, mà chỉ đơn giản rằng chúng *đã từng xuất hiện*, rằng chúng *đã có thể* phát sáng, và rằng – chỉ bằng cách bộc lộ mình – chúng là sự thể hiện của một nhóm những tiềm năng xã hội nào

đó – dù trong nghĩa là tiềm năng sức sáng tạo hay đơn giản chỉ là tiềm năng tự do, rằng chúng đã cùng tạo ra và cùng đảm bảo *môi trường văn hóa* cần thiết cho những ánh chớp sáng rọi hơn có thể xuất hiện. Không gian của quá trình tự nhận thức tinh thần nói tóm lại là *không thể chia cắt*; một sợi chỉ bị cắt chắc chắn sẽ làm hỏng sự nối kết của cả mạng lưới – và điều đó tự nó đã chứng tỏ tính chất tương thuộc khác thường của tất cả những tiến trình rất tinh vi trong cơ thể xã hội mà tôi đã nói tới, chứng tỏ ý nghĩa vô cùng to lớn của mỗi quá trình, cũng như tác hại vô cùng to lớn của sự phá vỡ mỗi quá trình đó.

Tôi không muốn qui giản toàn bộ vấn đề vào khía cạnh duy nhất và vẫn còn khá tầm thường này. Tuy nhiên chẳng phải ngay sự việc đó cũng đã khẳng định rằng, “lệnh bắt giữ văn hóa” – dấu cho tác dụng trực tiếp của nó chỉ đổ xuống đầu một số tương đối ít người – đã có, và chủ yếu là sẽ còn có ảnh hưởng nguy hại sâu xa đối với toàn bộ trạng thái tinh thần và đạo đức của xã hội?

Nếu như trong những năm cuối, trong các quầy sách không xuất hiện một cuốn tiểu thuyết tiếng Tiệp Khắc mới duy nhất nào có khả năng mở rộng tầm trải nghiệm của chúng ta về thế giới một cách đáng kể, thì chắc chắn điều đó cũng không hề thể hiện ở bên ngoài – độc giả sẽ không vì thế mà đi biểu tình và cuối cùng thế nào họ cũng sẽ tìm thấy cái gì để đọc.

Song ai đủ can đảm đánh giá ý nghĩa thật sự của sự kiện này đối với xã hội Tiệp Khắc? Ai biết khoảng trống

này sẽ biểu hiện ra sao trong bầu không khí tinh thần và đạo đức trong những năm sắp tới? Nó sẽ làm suy yếu khả năng tự nhận thức của chúng ta đến mức nào? Sự thiếu vắng quá trình tự nhận thức có tính văn hóa như vậy sẽ để lại dấu ấn sâu sắc như thế nào trong những lớp người ngày hôm nay đang bắt đầu, hay ngày mai sẽ bắt đầu tự nhận biết bản thân? Bao nhiêu huyền hoặc đang từ từ kết đọng trong ý thức văn hóa cộng đồng cần phải được phá vỡ, và sẽ phải quay trở lại bao xa? Ai biết được rằng, ai, lúc nào, từ đâu và bằng cách nào sẽ có thể tìm được sức mạnh để nhóm lên ngọn lửa sự thật mới – khi bị mất đi triệt để đến thế không chỉ khả năng, mà cả *cảm giác có khả năng* nhóm lên ngọn lửa đó?

Một vài cuốn tiểu thuyết cùng loại những cuốn không được bày bán trong cửa hàng tuy vậy vẫn tồn tại: chúng được lưu truyền dưới dạng viết tay. Về mặt này, tình hình còn chưa thật tuyệt vọng; từ tất cả những điều tôi vừa trình bày có thể thấy, ngay cả khi cuốn tiểu thuyết như vậy trong suốt nhiều năm chỉ có chừng hai mươi người biết đến, thì sự tồn tại của nó vẫn mang ý nghĩa đặc biệt: chỉ riêng việc có tồn tại một cuốn sách như thế, rằng nó đã có thể được viết ra, rằng nó đang sống ít nhất trong một khu vực nhỏ hẹp của nhận thức văn hóa, cũng đã có một ý nghĩa nào đó. Nhưng trong những lĩnh vực không thể làm việc ngoài cái gọi là cơ cấu hợp pháp thì sao? Làm sao có thể nhận biết được mức độ những thiệt hại thực sự, đã và đang tiếp tục được gây ra bởi sự bóp nghẹt những khuynh hướng đáng quan tâm trong lĩnh vực sân khấu và điện ảnh, là những ngành có ý nghĩa quan trọng

đặc thù của tác nhân kích thích xã hội? Từ góc độ viễn cảnh lâu dài, trạng thái cân bằng không xuất hiện trong các ngành khoa học nhân văn, trong lý thuyết và môn khoa học xã hội tiểu luận học, còn có thể có ý nghĩa đến thế nào? Ai đủ can đảm đánh giá ở đây những hậu quả của việc phá vỡ thô bạo các quá trình tự nhận thức lâu dài khác nhau trên bình diện bản thể học, luân lý học, lịch sử học, tức là những lĩnh vực rất phụ thuộc vào việc được tiếp cận với nguồn tài liệu nghiên cứu và được đổi chất thường xuyên với công chúng, và nói chung hậu quả của việc ngăn cản thô bạo mọi dòng lưu chuyển tự nhiên hơn thông tin, tư tưởng, phát minh và giá trị, cũng như mọi sự kết tinh thái độ công khai?

Câu hỏi tổng quát vì thế là: *Sự thiếu hoạn văn hóa ngày hôm nay sẽ dẫn đến căn bệnh bất lực về tinh thần và đạo đức đến mức nào cho cả dân tộc trong ngày mai?*

Tôi sợ rằng những hậu quả xã hội tai hại này sẽ còn tồn tại lâu hơn cả những quyền lợi chính trị cụ thể đã gây ra chúng. *Tội trạng lịch sử của những kẻ đã hi sinh tương lai tinh thần của dân tộc cho lợi ích quyền lực hiện tại của chính mình, vì thế càng lớn hơn.*

Nếu như qui luật căn bản của vũ trụ là sự gia tăng entropy² (mức độ nhiễu loạn, không sắp xếp của hệ

² Nhờ khái niệm về entropy, định luật thứ hai của nhiệt động học về hướng biến đổi năng lượng đã được phát biểu. Trong hệ thống cô lập, do những chuyển đổi năng lượng, khả năng các chuyển đổi kế tiếp bị mất dần, năng lượng thất thoát không thể chuyển sang dạng năng lượng nào khác được tích tụ lại cho đến khi entropy đạt đến giá trị tối đa, tức là đến trạng thái cân bằng nhiệt. Vào giữa

thống – xu hướng mọi vật chất và năng lượng trong vũ trụ tiến tới trạng thái tro không biến đổi – ND) thì ngược lại, qui luật căn bản của đời sống là gia tăng cấu trúc và chống lại gia tăng entropy: cuộc sống luôn cưỡng lại sự đồng phục hóa và đơn nhất hóa; viễn cảnh phát triển của nó không phải là đồng dạng hóa mà là sự đa dạng; cuộc sống là sự thôi thúc vượt lên chính mình, là cuộc phiêu lưu của những điều mới lạ, là sự nổi dậy chống lại hiện trạng; hướng phát triển tự nhiên của cuộc sống là bí ẩn không ngừng đổi mới.

Ngược lại, khi mục đích của chính quyền chỉ giới hạn vào việc bảo vệ sự bất biến của bản thân bằng con đường dùng bạo lực áp đặt sự đồng thuận vĩnh viễn, thì trong bản chất của nó luôn là sự ngờ vực bản năng đối với mỗi biểu hiện của sự khác biệt, tính độc đáo và siêu nghiệm; là ác cảm bản năng với tất cả những gì chưa biết, không nắm bắt được và hiện tại bí ẩn; là bản năng hướng tới sự đồng phục hóa, sự đồng dạng và bất động; là tình yêu sâu sắc với hiện trạng. Trong chính quyền đó, tư duy máy móc lấn át tư duy sống động. Trật tự mà chính quyền hướng tới không phải là cuộc kiếm tìm công khai các hình thức tự tổ chức xã hội ngày một cao hơn, đồng nghĩa với mức độ cấu trúc phức tạp hơn, mà ngược lại, rút vào “trạng thái dễ dự đoán nhất”, có chỉ số entropy cao nhất. *Đi theo hướng tăng entropy*, nghĩa là chính quyền đi ngược với hướng đi của cuộc sống.

thế kỷ thứ 20, lý thuyết thông tin đã tổng quát hóa thuật ngữ entropy cho tất cả các ngành như là mức độ của sự không xác định và không sắp xếp của hệ thống (chú thích của V.Havel – theo Từ điển triết học tóm tắt Tiệp Khắc).

Như ta đã biết, ở con người cũng tồn tại giây phút khi mức độ cấu trúc của anh ta bất ngờ giảm xuống và con đường của người đó chuyển hướng theo chiều tăng entropy, đó là giây phút con người bị khuất phục bởi qui luật chung của vũ trụ: giây phút của cái chết.

Ở đâu đó trong chính nền tảng của chính quyền đi theo con đường gia tăng entropy (và chỉ muốn biến con người thành một cái máy tính, có thể cài vào đó bất kì chương trình nào và bảo đảm rằng nó sẽ được thực hiện) có mặt *nguyên tắc hủy diệt*. Mùi của tử khí phảng phất ngay từ khái niệm “trật tự” mà chính quyền đó thi hành, và dưới góc nhìn của nó, mỗi biểu hiện của đời sống chân thực, một hành động độc đáo, một biểu hiện cá tính, một suy nghĩ đặc sắc, một ý tưởng hay ước vọng bất ngờ, đều nhất thiết chỉ là dấu hiệu cho sự “rối loạn”, “hỗn độn” và “vô chính phủ”.

Qua toàn bộ thực tế hoạt động chính trị của chính quyền với các khía cạnh cơ bản như tôi đã cố gắng miêu tả lần lượt, chế độ hiện nay đã khẳng định rằng, những lý tưởng “hòa bình”, “trật tự”, “ổn định, củng cố”, “dẫn dắt khỏi khủng hoảng”, “ngăn chặn sụp đổ”, “trấn an kích động” v.v, mà ngay từ đầu đã là trụ cột trong chương trình chính trị của nó, kết cục có cùng nội dung hủy diệt cho chế độ đó cũng như cho mọi chế độ đi theo hướng tăng entropy.

Đúng, ở đây có trật tự: trật tự quan liêu của những bộ đồng phục xám xịt làm tê liệt tính độc đáo, trật tự của sự

máy móc đẽ bẽp tính không lặp lại, trật tự của sự trì trệ mốc meo loại bỏ khả năng vượt trên chính mình. Đó là *trật tự không còn sự sống*.

Đúng, đất nước ta yên bình. Nhưng liệu đó có phải sự yên bình trong nhà xác hay nghĩa địa?

Trong một xã hội sống thực sự sẽ luôn luôn có chuyện gì đó *xảy ra* một cách tự nhiên: sự phối hợp những hoạt động và những sự kiện hiện tại, những chuyển động hiển hiện và ẩn khuất, liên tục tạo ra những tình huống khác thường lôi cuốn những hoạt động tiếp theo và đẩy lên những chuyển động mới. Sự phân cực bí ẩn của cuộc sống giữa bất biến và biến thiên, giữa tất yếu và tình cờ, giữa những điều có thể dự đoán và những điều bất ngờ, diễn ra trong *thời gian* và biểu lộ bằng *dòng sự kiện*. Đời sống xã hội càng có cấu trúc hơn bao nhiêu, thời gian xã hội càng có cấu trúc hơn bấy nhiêu: yếu tố độc đáo và không lặp lại trong đó càng mạnh mẽ. Điều này hiển nhiên lại thúc đẩy khả năng phản ánh cuộc sống trong trình tự thời gian như một dòng chảy không đảo ngược được của những tình huống không thể thay thế, và nhờ vậy, khi nhìn ngược lại, càng có thể hiểu rõ hơn những gì là tất yếu trong diễn biến xã hội. Cuộc sống xã hội càng phong phú, xã hội càng nhận thức rõ hơn chiều kích của thời gian xã hội, *chiều kích của lịch sử*.

Nói cách khác, ở đâu có không gian cho diễn biến xã hội, ở đó cũng mở ra không gian cho kí ức xã hội. Xã hội nào sống thì xã hội đó có *lịch sử*.

Tuy nhiên nếu trong lịch sử, yếu tố liên tục và nhân quả liên kết mật thiết đến thế với yếu tố không lặp lại và không thể dự đoán, thì câu hỏi được đặt ra là, lịch sử chân thực – suối nguồn không thể dập tắt của “hỗn loạn”, cội nguồn lâu bền của bất ổn định và cái tát hỗn xược vào trật tự – làm sao có thể tồn tại trong thế giới được cai trị bằng chế độ “tăng entropy”.

Câu trả lời là rõ ràng: lịch sử không thể tồn tại trong thế giới ấy. Và nó cũng không tồn tại ở đó – ít ra là bề ngoài: khi chính cuộc sống đã bị tê liệt thì thời gian xã hội cũng dừng lại trong đó, và vì thế lịch sử biến mất khỏi tầm nhìn của cuộc sống.

Ngay cả ở đất nước ta, dường như từ khi nào đó đã không còn lịch sử. Từ từ nhưng chắc chắn, chúng ta đánh mất khái niệm thời gian. Chúng ta quên đi điều gì xảy ra khi nào, điều gì xảy ra trước và điều gì xảy ra sau, có điều gì đã xảy ra – và chế ngự trong chúng ta là cảm giác, rằng tất cả những điều đó thật ra cũng chẳng có gì quan trọng. Khi tính độc đáo biến mất khỏi dòng chảy của các sự kiện, và nghĩa là cả tính liên tục cũng không còn, tất cả cùng hòa chung vào bức tranh duy nhất xám xịt của một vòng quay mãi giống nhau: chúng ta nói rằng “chẳng có gì xảy ra hết”. Trật tự hủy diệt đã được áp đặt ở đây, mọi biến cố đều được sắp xếp một cách hoàn hảo, và vì vậy cũng hoàn toàn tê liệt. Khủng hoảng trong cảm nhận về trình tự thời gian trên bình diện xã hội tất yếu dẫn đến sự khủng hoảng như vậy cả trong cuộc sống cá nhân: mất đi tầm nền lịch sử xã hội, và như thế cũng mất đi lịch sử vị

trí cá nhân trên tấm nền lịch sử ấy, cuộc sống cá nhân hạ thấp xuống mức thời tiền sử, nơi thời gian chỉ còn được điểm nhịp bởi những sự kiện như ngày sinh, ngày cưới và ngày chết.

Khủng hoảng trong cảm nhận thời gian xã hội dường như đã đẩy xã hội nói chung trở lại thời kì nào trong tiền sử, khi nhân loại, trong nhận thức về thời gian xã hội của mình qua suốt hàng ngàn năm đã không vượt qua giới hạn những biểu hiện đặc trưng mang tính thời tiết trong vũ trụ của bốn mùa lặp đi lặp lại vô cùng tận và những nghi thức tôn giáo gắn liền với chúng.

Khoảng trống mà chiều kích bất ổn của lịch sử để lại đằng sau tuy nhiên phải được lấp đầy: và thế là sự hỗn loạn của lịch sử chân thực được thay thế bằng trật tự của *lịch sử giả hiệu*, tác giả của nó tuy nhiên không phải là cuộc sống xã hội mà là những nhân viên lập kế hoạch; thay vì những sự kiện thực, người ta cung cấp cho chúng ta những sự kiện ảo; chúng ta sống từ ngày lễ kỉ niệm này qua ngày lễ kỉ niệm khác, từ lễ hội này qua lễ hội khác, từ cuộc duyệt binh này qua cuộc duyệt binh khác, từ đại hội đồng lòng nhất trí này đến những cuộc bầu cử đồng lòng nhất trí kia và từ những cuộc bầu cử đồng lòng nhất trí kia lại đến đại hội đồng lòng nhất trí nọ; từ ngày Báo chí qua ngày Pháo binh, và ngược lại. Không phải ngẫu nhiên mà nhờ sự đánh tráo lịch sử như thế, chúng ta có thể thu được tổng quan thấu đáo về những “biến cố” trong xã hội, cả trong quá khứ lẫn tương lai, chỉ bằng cách ghé mắt nhìn vào quyển lịch. Và do nội dung tương

đồng đến sáo mòn của những nghi thức lặp đi lặp lại này mà thông tin thu được bằng cách như vậy thậm chí cũng chẳng khác gì thông tin chúng ta có thể thu được từ trải nghiệm đích thực.

Một lần nữa: trật tự hoàn hảo đã đạt được – song được chuộc bởi việc quay trở lại thời tiền sử. Ngoài ra còn có thể nói thêm rằng: trong khi đối với tổ tiên chúng ta, những nghi lễ lặp lại bao giờ cũng mang ý nghĩa hiện sinh sâu sắc, thì đối với chúng ta, chúng chỉ còn là thủ tục được thực hiện một cách có mục đích mà thôi; chính phủ duy trì những thủ tục đó để tạo cảm giác lịch sử đang chuyển động; công dân tham gia chúng để khỏi bị phiến hà.

Chế độ “entropic” chỉ có một khả năng để làm tăng giá trị entropy tổng quát trong không gian hoạt động của nó: bằng cách củng cố sự kiểm soát tập trung, tăng cường tính cố kết, thắt chặt xã hội bằng cái áo trời ngày càng thông dụng và ngày càng nghẹt kín của sự thao túng một chiều. Chỉ có điều, mỗi bước đi tiếp theo hướng đó đồng thời có nghĩa là chế độ tiếp tục *làm tăng entropy của chính mình*: cố gắng làm thế giới bất động, chế độ làm cho chính nó trở thành bất động và làm cho khả năng đương đầu với bất cứ cái mới nào cũng như khả năng chống lại những trào lưu tự nhiên của cuộc sống của chính mình bị tê liệt. Như vậy là từ bản chất, chế độ “entropic” kết cục phải chịu số phận trở thành *nạn nhân của nguyên tắc hủy diệt của chính nó*, nạn nhân dễ bị tổn thương nhất do sự thiếu thốn tai hại của bất kì nội lực nào có thể bắt nó trực diện với chính mình. Quyền lực cưỡng ép cuộc sống càng xơ

cứng nhanh hơn, thì ngược lại cuộc sống – với thôi thúc không thể đè nén chống lại hướng tăng entropy – càng có khả năng kháng cự một cách thành công hơn và sáng tạo hơn để chống lại sự cưỡng ép nó.

Làm tê liệt cuộc sống tức là chính quyền làm tê liệt chính mình – như vậy cuối cùng là làm tê liệt cả khả năng làm tê liệt cuộc sống của mình.

Nói cách khác, *có thể cưỡng hiếp, đè bẹp và làm tê liệt cuộc sống một cách lâu dài và rất triệt để – tuy nhiên cuối cùng không thể vĩnh viễn dùng được nó*: dù chậm chạp, che giấu và thâm lặng, nó vẫn tiếp tục chảy; dù hàng ngàn lần bị tách rời khỏi bản thân, nó vẫn luôn bằng cách nào đó quay trở lại với chính mình; dù bị cưỡng ép đến thế nào, cuối cùng nó vẫn luôn sống sót và vượt qua bạo quyền từng cưỡng ép nó. Không thể khác được, do bản chất thỏa hiệp sâu xa của mỗi quyền lực “entropic”, quyền lực đó đàn áp và có thể đàn áp được cuộc sống chỉ khi tồn tại một cuộc sống nào đó, và như vậy sự tồn tại của nó rất cuộc phụ thuộc hoàn toàn vào cuộc sống, trong khi sự tồn tại của cuộc sống tuy nhiên hoàn toàn không phụ thuộc vào nó. Sức mạnh duy nhất có thể thật sự tiêu diệt được cuộc sống trên hành tinh của chúng ta là sức mạnh không biết đến thỏa hiệp: đó là hiệu lực phổ quát toàn vũ trụ của định luật thứ hai trong môn nhiệt động học.

Tuy nhiên nếu như không thể hủy diệt mãi mãi cuộc sống thì cũng không thể chặn đứng lịch sử: bên dưới cái nắp đậy nặng nề che giấu sự bất động và những sự

kiện giả tạo là dòng nước nhỏ đang chậm rãi và kín đáo làm xói mòn cái nắp đậy đó. Quá trình ấy có thể kéo dài, nhưng một ngày nào đó một điều sẽ phải xảy ra: cái nắp đậy không thể kháng cự được nữa và bắt đầu rạn vỡ.

Và đó là thời khắc khi một cái gì trông thấy lại bắt đầu xảy ra, một cái gì thật sự *mới mẻ* và *khác thường*, một cái gì không được trù tính trong bảng lịch “sự kiện” của giới cầm quyền, một cái gì làm cho chúng ta bỗng nhiên không còn cảm giác bàng quan rằng khi nào điều đó xảy ra và rằng điều đó đang xảy ra. Một cái gì có tính lịch sử thật sự, với ý nghĩa rằng *lịch sử* bằng cách như vậy lại đòi lên tiếng.

Nhưng bằng cách nào – trong hoàn cảnh cụ thể của chúng ta – lịch sử có thể “lên tiếng”? Viễn cảnh như thế thực sự có ý nghĩa cụ thể như thế nào?

Tôi không phải là nhà sử học hay nhà tiên tri, nhưng nếu như nói về cơ cấu của những thời điểm như vậy thì tôi không thể bỏ qua một vài quan sát nhất định.

Nơi mà ít nhất trong mức độ nào đó có tồn tại sự cạnh tranh quyền lực công khai, như bảo đảm thực sự duy nhất cho việc kiểm soát quyền lực (và cuối cùng là bảo đảm cho cả tự do ngôn luận trong bất cứ hình thức nào), thì chính quyền dù muốn hay không cũng buộc phải đối thoại liên tục và cởi mở với cuộc sống xã hội. Chính quyền buộc phải thường xuyên giải quyết những câu hỏi đa dạng nhất mà cuộc sống đặt ra cho họ. Ở nơi không có sự cạnh tranh như thế (và nơi mà vì vậy tự do ngôn luận

trước sau cũng bị đàn áp) – như trường hợp các chế độ “entropic” – thì chính quyền không chịu thích nghi với cuộc sống mà cố ép cuộc sống thích nghi với nó, tức là, thay vì thường xuyên giải quyết công khai những xung đột, đòi hỏi và những vấn đề thực sự của cuộc sống thì chính quyền ấy chỉ che đậy chúng. Nhưng ở đâu đó bên dưới cái nắp đậy này, những xung đột và đòi hỏi vẫn hiện diện, tích tụ và sinh sôi nảy nở, để đến một thời khắc nhất định, khi cái nắp đậy không thể giữ nổi, chúng sẽ thoát ra. Đây là thời khắc khi tấm vỏ che đậy sự bất động bị vỡ tung và lịch sử lại bước vào vũ đài.

Và điều gì thực sự sẽ xảy ra tiếp đó?

Mặc dù chính quyền còn đủ sức để ngăn cản sự thể hiện công khai áp lực của những xung đột cuộc sống – tức là ngăn cản những tranh luận hay cạnh tranh quyền lực công khai, song họ đã không còn đủ sức hoàn toàn cưỡng lại áp lực này được nữa. Và thế là cuộc sống đột nhập ít nhất vào nơi có thể – trong hậu trường ẩn khuất của quyền lực, nơi nó ép buộc nên những *tranh luận bí mật* và tiếp đó những *cạnh tranh quyền lực bí mật*. Tuy nhiên chính quyền không được chuẩn bị cho điều đó – bất cứ tranh luận thực sự nào với cuộc sống cũng nằm ngoài *tầm* năng lực của họ – và vì thế mà họ hoảng loạn: cuộc sống gieo mầm hỗn loạn trong nội các của chính quyền dưới dạng những xung đột, mưu mô, cạm bẫy và đối đầu cá nhân, thậm chí có thể nói, nó thâm nhập trực tiếp vào từng đại diện của chính quyền: chiếc mặt nạ tử thi phi cá tính mà những viên chức cấp cao khoác lên

người nhằm khẳng định sự đồng nhất với khối quyền lực thống nhất không tì vết kia bất ngờ rơi xuống, để lộ ra sau nó những con người bằng xương bằng thịt đang tranh giành quyền lực bằng biện pháp “nhân đạo” nhất và xâu xé lẫn nhau để tự cứu mình. Đây là giờ khắc vốn biết đến của những cuộc cách mạng và bạo loạn cung đình, của những thay đổi vị trí chức vụ và luận điểm trong các bài diễn văn một cách bất ngờ và khó hiểu nổi đối với người ngoài; là giây phút phát hiện những âm mưu có thật hay bịa tạc và những đầu mối bí mật; giây phút công bố những tội lỗi thật sự hay được bày đặt và đào bới những khuyết điểm xưa cũ; giây phút hất nhau ra khỏi những quyền thế, bôi nhọ nhau hay thậm chí cả những bắt bớ và xét xử. Nếu như cho đến giờ, tất cả những kẻ nắm giữ quyền lực đều nói cùng một ngôn ngữ, sử dụng cùng những sáo ngữ, nói về cùng một mục tiêu và sự hoàn thành thắng lợi mục tiêu này, thì nay khối quyền lực thống nhất ấy bỗng nứt ra thành những cá nhân riêng biệt, những kẻ mặc dù vẫn còn giữ ngôn ngữ chung trước đây, nhưng bây giờ bỗng dùng nó để buộc tội nhau. Và chúng ta ngạc nhiên được biết rằng, hàng loạt người trong bọn họ – những kẻ thất thế trong cuộc đấu tranh bí mật giành quyền lực – không bao giờ thực sự coi trọng mục tiêu được tuyên bố và không bao giờ hoàn thành trọn vẹn những mục tiêu đó mà hoàn toàn ngược lại – trong khi những kẻ thắng thế là những người thực sự vì những mục tiêu ấy và là những người duy nhất có khả năng thực hiện chúng một cách thắng lợi.

Cuốn lịch chính thức của những sự kiện giả tạo được xây dựng trong nhiều năm một cách duy lí dường nào thì hình dạng sự đột nhập đột ngột của lịch sử chân thực càng phi lí dường ấy. Tất cả những thành tố không lặp lại, có một không hai và không tính toán được của lịch sử trong thời gian dài từng bị đè bẹp, tất cả những bí mật lịch sử trong thời gian dài từng bị phủ nhận, trong tích tắc được đồng loạt đưa ra ánh sáng. Và nếu như qua nhiều năm trời, chúng ta không khi nào có thể bắt ngờ vì bất cứ điều gì nhỏ nhặt, tầm thường nhất, thì nay chúng ta được tận hưởng một bất ngờ to lớn – song đó quả là một bất ngờ đáng giá. Mọi “hỗn loạn” lịch sử trong nhiều năm từng bị đè nén dưới trật tự giả tạo, nay đột ngột phun trào.

Như thế chúng ta chưa từng biết đến điều đó! Như thế chúng ta chưa bao lần có thể chứng kiến chuyện như vậy trong phần thế giới của chúng ta! Cỗ máy trong nhiều năm hoạt động tưởng chừng như hoàn hảo và trơn tru, không lệch lạc hay sai sót, chỉ qua một đêm đã vỡ tan thành từng mảnh, và hệ thống tưởng chừng sẽ thống trị mãi mãi trong hình dạng không đổi, vì không sức mạnh nào trong môi trường với những bầu cử đồng lòng nhất trí và biểu quyết đồng lòng nhất trí có thể nghi ngờ nó, bỗng sụp đổ không hề báo trước. Và chúng ta ngỡ ngàng nhận ra rằng tất cả hoàn toàn không như chúng ta từng nghĩ.

Thời khắc khi cơn lốc xoáy đó tràn qua thế giới cũ kĩ ẩm mốc của bộ máy quyền lực cố định, tuy nhiên hoàn toàn không chỉ là đề tài vui đùa cho chúng ta, những

người nằm bên ngoài quyền lực. Mặc dù không trực tiếp, nói cho cùng nó vẫn luôn liên quan tới cả chúng ta: *hay chẳng phải chính áp lực lâu dài và thâm kín của cuộc sống với những nhu cầu, quyền lợi, xung đột hay mâu thuẫn luôn bị đè nén song không bao giờ có thể đè nén nổi của cả xã hội, là điều luôn tạo nên những chấn động quyền lực như vậy hay sao?* Không có gì đáng ngạc nhiên là xã hội trong những thời khắc như thế lại luôn bừng tỉnh dậy, bám lấy thời khắc hay cảm nhận nó một cách nhanh nhạy hơn, để cho thời khắc tác động và tìm cách tận dụng nó! Những cơn chấn động này hầu như bao giờ cũng làm thức dậy niềm hi vọng hay nỗi sợ hãi nào đó; hầu như bao giờ cũng mở ra – dù là thực sự hay giả tưởng – không gian cho việc thực thi những xung lực và tham vọng khác nhau của cuộc sống; và hầu như bao giờ cũng làm tăng tốc những chuyển động khác nhau trong xã hội.

Tuy nhiên tất cả điều này hầu như bao giờ cũng đồng thời chứa đựng trong mình những mối rủi ro lớn thường xảy ra và không lường trước được, do cơ cấu hoàn toàn trái tự nhiên của sự xung đột với cuộc sống như chính những chấn động quyền lực đột ngột.

Tôi sẽ cố gắng giải thích rõ hơn một trong những rủi ro như vậy.

Nếu hàng ngày con người lặng im chịu sự điều khiển của cấp trên bất tài, nếu hàng ngày con người nghiêm túc thực hiện những nghi thức mà trong thực tế là nực cười với anh ta, nếu con người không phân vân trả lời

những bản trưng cầu ý kiến một cách trái ngược với quan điểm thực sự của mình và sẵn sàng công khai chối bỏ bản thân, nếu con người không hề khó khăn giả vờ thiện cảm hay yêu thương những điều mà thực ra anh ta cảm thấy bàng quan hay ghê tởm, thì tất cả những điều đó vẫn chưa có nghĩa là trong anh ta đã vĩnh viễn khô cạn một trong những cảm nhận quan trọng nhất của con người: *cảm nhận bị lãng nhục*.

Ngược lại: mặc dù không ai nói về nó nhưng người dân cảm nhận rất chính xác cái giá mà họ phải trả để có được sự bình yên bên ngoài: đó là *nhân phẩm của họ liên tục bị lãng nhục*. Càng ít phản kháng trực tiếp chống lại sự lãng nhục đó bao nhiêu, cho dù nhờ khả năng gạt bỏ cảm giác đó ra khỏi nhận thức hay tự dối mình rằng chẳng có gì to tát xảy ra, hay đơn giản là nghiêng răng lại – thì trải nghiệm này càng ăn sâu trong tâm khảm họ bấy nhiêu. Người có thể ngay lập tức cưỡng lại sự lãng nhục thì cũng có thể quên nó nhanh, ngược lại người có thể lâu dài im lặng chịu đựng sự lãng nhục cũng sẽ có thể ghi nhớ nó mãi. Và như vậy trên thực tế, *không điều gì bị bỏ quên*. Mọi nỗi sợ hãi từng chịu đựng, mọi điều giả dối buộc phải làm, tất cả những trò hề đáng xấu hổ và hèn mạt – và có lẽ tồi tệ nhất là cảm nhận về sự hèn nhát bị phơi bày – tất cả những điều này đọng lại và tích tụ đầu đó trong đáy sâu thẳm nhất của ý thức xã hội, và tất cả lặn lên men ở đấy.

Hiển nhiên đó là tình trạng không lành mạnh: những khối nhọt không được kịp thời xử lý sẽ dần dần mưng

mủ, mủ tích tụ không thể thoát ra ngoài và chất độc sẽ lan truyền khắp cơ thể; tình cảm tự nhiên của con người không thể giữ tính khách quan quá lâu và việc giam cầm nó lâu ngày trong tâm trí sẽ dần dần biến dạng thành cơn co giật bệnh hoạn, thành cái gì đó độc hại như khi quá trình cháy không hết tạo ra chất carbon monoxide (CO).

Không có gì đáng ngạc nhiên là trong giây phút, khi cái nắp đập bên ngoài rạn nứt và dòng dung nham cuộc đời tuôn trào ra ngoài, bên cạnh những nỗ lực được cân nhắc kỹ lưỡng nhằm sửa chữa những bất công trước đây, bên cạnh mong ước sự thật và mong ước những cải cách phù hợp với nhu cầu cuộc sống, còn xuất hiện cả các tổ chức của lòng căm thù bầm gan, của cơn giận dữ đòi trả hận và của khát vọng sôi sục đòi được đền bù ngay lập tức tất cả những sỉ nhục đã phải chịu đựng! (Trong khi đó, tính vội vàng và thiếu thỏa đáng so với tình huống của ước muốn đó, phần lớn bắt nguồn từ cảm giác mơ hồ, rằng cơn bùng nổ ấy thực ra đã đến quá muộn, khi nó đã chẳng còn ý nghĩa, vì nó đã đánh mất động lực tức thời và cùng với nó cả nguy cơ tức thời, và khi mà về bản chất nó chỉ còn là thể phẩm cho cái gì đó đáng lẽ phải xảy ra trong thời gian hoàn toàn khác).

Không có gì đáng ngạc nhiên là những người đại diện cho chính quyền sau nhiều năm từng quen với sự đồng thuận tuyệt đối, quen được ủng hộ nhất trí và vô điều kiện, quen với một tổng thể đồng nhất của sự giả tạo toàn diện và phổ quát, trong thời khắc này đã choáng váng trước cơn bộc phát của những tình cảm bị đè nén đến

nỗi họ cảm thấy bị đe dọa chưa từng thấy, và trong mỗi đe dọa đối với mình – như với người bảo lãnh duy nhất cho sự tồn tại của thế giới – họ nhìn thấy mỗi đe dọa chưa từng thấy đối với cả thế giới, đến nỗi họ không lưỡng lự kêu gọi hàng triệu binh sĩ ngoại quốc đến cứu mình và cứu cả hành tinh.

Cách đây không lâu chúng ta vừa trải qua một vụ bùng nổ như vậy. Những kẻ suốt bao năm từng nhục mạ và xúc phạm con người và sau đó choáng váng đến thế khi con người bị xúc phạm tìm cách lên tiếng, hôm nay lại gọi toàn bộ sự kiện này là “sự bùng nổ cảm xúc”. Nhưng thực ra cảm xúc nào bùng nổ? Ai đã biết sự sỉ nhục kéo dài và sâu rộng đến thế nào từng diễn ra trước sự kiện bùng nổ đó, và ai hiểu được cơ chế tâm lý xã hội của phản ứng tiếp sau quá trình chịu đựng sự sỉ nhục lâu dài, còn phải cảm thấy sừng sốt hơn nữa trước dáng dấp tương đối bình lặng, thực tế và thậm chí trung thành của toàn bộ vụ “bùng nổ”. Mặc dù vậy như đã biết, chúng ta đã phải trả cái giá rất đắt cho “thời khắc sự thật” này.

Nhà cầm quyền hiện nay khác xa chính quyền từng cai trị trước vụ bùng nổ vừa mới đây. Không chỉ vì chính quyền kia, như được gọi, là “nguyên bản”, còn cái kế nhiệm chỉ là dạng mô phỏng hình thức và không có khả năng nhận thức được rằng, cái “nguyên bản” kia trong khi đó đã đánh mất sự huyền hoặc của mình đến mức độ nào. Nhưng trước hết là vì, trong khi quyền lực trước kia dựa vào nền tảng xã hội thực sự và không nhỏ của sự ủng hộ tin cậy (mặc dù dần dần giảm sút) của một bộ

phận dân chúng, và dựa vào sự hấp dẫn thực sự và không nhỏ (dù cũng bốc hơi dần) của những lợi ích xã hội mà nó hứa hẹn ban đầu, thì chế độ hiện nay chỉ còn dựa duy nhất vào bản năng bảo tồn của nhóm thiểu số cai trị và nỗi sợ hãi của đa số bị trị mà thôi.

Trong bối cảnh như vậy, khó có thể hình dung tất cả các phương án diễn biến có thể giả định của “thời khắc sự thật” nếu nó xảy ra trong tương lai, cụ thể là sự nhục mạ xã hội toàn diện đến thế và công khai đến thế, một ngày nào đó có thể sẽ đòi đến đáp dưới hình thức nào; và càng hoàn toàn không thể đánh giá được phạm vi và chiều sâu những hậu quả bi kịch, mà thời khắc đó có thể và kết cục có lẽ sẽ phải mang đến cho hai dân tộc chúng ta.

Về mặt này, con người phải sững sốt khi *quyền lực nhân danh là khoa học nhất từ trước tới nay lại hoàn toàn không có khả năng hiểu được những quy luật cơ bản trong hoạt động của mình và tự rút ra bài học từ lịch sử của bản thân.*

Như đã thấy, tôi không sợ rằng, với sự nhậm chức của những nhà lãnh đạo hiện nay, cuộc sống ở Tiệp Khắc sẽ kết thúc và lịch sử sẽ dừng vĩnh viễn. Cho đến nay, trong lịch sử, sau mỗi hoàn cảnh và sau mỗi thời đại lại tiếp đến hoàn cảnh mới và thời đại mới. Và cho đến nay, dù tốt hay xấu cho con người, hoàn cảnh mới hay thời đại mới bao giờ cũng khác xa mọi hình dung về tương lai của những người tổ chức và cai trị trong giai đoạn trước.

Tôi lo sợ một điều khác. Thực ra toàn bộ bức thư này nói về điều mà tôi thật sự lo sợ – đó là *những hậu quả*

nặng nề và lâu dài phi lí mà toàn bộ sự cưỡng bức ngày hôm nay sẽ gây ra cho hai dân tộc chúng ta trong tương lai. Tôi sợ cái giá mà tất cả chúng ta sẽ phải trả cho việc đàn áp khốc liệt lịch sử, cho sự ruồng rẫy tàn bạo và không cần thiết đã đẩy cuộc sống xuống đáy sâu xã hội và đáy sâu tâm hồn con người, cho việc “đình chỉ” thô bạo mọi cơ hội được sống ít ra tự nhiên một chút như một xã hội. Và có lẽ từ những điều tôi trình bày, có thể thấy tôi không chỉ lo lắng về cái giá mà chúng ta vẫn liên tục phải trả bằng những đấng cay hàng ngày do sự cưỡng bức xã hội và xúc phạm nhân phẩm, cũng không chỉ về cái giá đắt mà chúng ta phải trả dưới dạng suy thoái kéo dài về mặt tinh thần và đạo đức xã hội, mà tôi còn lo lắng về cái giá khó có thể định đoán hôm nay, mà thời khắc khi cuộc sống và lịch sử lần tới lên tiếng đòi quyền lợi, có thể mang đến cho tất cả chúng ta.

Trách nhiệm của nhà lãnh đạo chính trị đối với tình hình đất nước thường khác nhau và hiển nhiên không bao giờ là tuyệt đối. Ông ta không lãnh đạo một mình mà cả những người xung quanh ông ta cũng mang một phần trách nhiệm. Không quốc gia nào sống trong chân không, cho nên chính sách của một quốc gia dù thế nào chẳng nữa, bao giờ cũng bị ảnh hưởng bởi chính sách của các quốc gia khác. Tất nhiên những nhà lãnh đạo trước kia cũng có nhiều đóng góp vì chính sách của họ đã tạo điều kiện dẫn tới tình hình đất nước hiện nay. Cuối cùng cả những người công dân cũng gánh không ít trách nhiệm – dù như cá nhân riêng lẻ, nghĩa là như những

sinh thể đầy đủ thẩm quyền, bằng những quyết định cá nhân hàng ngày cùng góp phần tạo dựng nên tình hình chung, hay về mặt tập thể như một tổng thể mang tính lịch sử xã hội nhất định, bị giới hạn bởi những điều kiện nơi nó phát triển, nhưng đồng thời ngược lại lại định ra giới hạn cho những điều kiện đó.

Mặc cho những hạn chế này, mà dĩ nhiên cũng là hạn chế trong hoàn cảnh của chúng ta hiện nay, là một nhà lãnh đạo chính trị, trách nhiệm của ông vẫn vô cùng to lớn: ông đã đồng quyết định tạo nên bầu không khí mà tất cả chúng ta sống trong đó, và *vì vậy ông có ảnh hưởng trực tiếp đến cái giá cuối cùng mà xã hội ta sẽ phải trả cho quá trình “củng cố” ngày nay.*

Người Séc và người Slovakia, cũng như bất kì dân tộc nào khác, mang sẵn trong mình những tiềm năng song song đa dạng nhất: chúng ta đã có, đang có và sẽ tiếp tục có những người anh hùng, cũng như đã có, đang có và sẽ tiếp tục có những tên chỉ điểm và những kẻ phản bội. Chúng ta có khả năng phát triển trí tưởng tượng và sáng tạo, có khả năng vươn mình tới những hành động bất ngờ về mặt tinh thần và đạo đức, có khả năng chiến đấu vì sự thật và hi sinh vì người khác; nhưng cũng hết như vậy, chúng ta có khả năng trở nên hoàn toàn thờ ơ, không quan tâm đến bất kì điều gì khác ngoài cái dạ dày của mình và chỉ lo ngáng chân lẫn nhau. Và mặc dù tâm hồn con người không phải là cái bình nửa lít ai muốn đổ thứ gì vào cũng được (tưởng tượng ngạo mạn về con người này thường được thấy trong những bài diễn văn chính

thức dưới dạng câu từ cực kì sáo mòn, rằng “chúng tôi” – tức là chính phủ – cần phải “truyền bá” điều này cho nhân dân), tuy vậy vẫn phụ thuộc rất nhiều vào những người lãnh đạo để cho xu hướng nào giữa những xu hướng đối chọi nhau đang tiềm ẩn trong xã hội sẽ được động viên, những tiềm năng nào sẽ có cơ hội được thực thi, và tiềm năng nào ngược lại sẽ bị đè bẹp.

Cho đến nay những điều xấu xa nhất trong chúng ta đã được kích hoạt và phát triển một cách có hệ thống – tính ích kỉ, đạo đức giả, bàng quan, hèn nhát, sợ hãi, nhẫn nhục, mong muốn tránh né mọi trách nhiệm cá nhân mà không cần biết tới hậu quả chung.

Trong khi đó, ban lãnh đạo đất nước hiện nay có thể đưa ra những chính sách tác động lên xã hội để khuyến khích không phải mặt tiêu cực mà là mặt tích cực trong chúng ta.

Cho đến nay, ông và chính phủ của ông đã chọn con đường dễ dàng nhất cho mình, nhưng cũng là con đường nguy hiểm nhất cho xã hội: đó là con đường gìn giữ hình thức bên ngoài với cái giá là tình trạng suy thoái bên trong, con đường dẫn tới sự bất biến với cái giá là cuộc sống dần mòn diệt vong, *con đường chỉ nhằm bảo vệ quyền lực của bản thân với cái giá là sự đào sâu khủng hoảng xã hội về đạo đức, tinh thần, và hạ thấp nhân phẩm một cách có hệ thống.*

Trong khi đó, ngay cả trong phạm vi giới hạn của mình, ông vẫn có cơ hội làm được nhiều việc để tối thiểu

là cải thiện tương đối tình hình: có thể đó là con đường nhọc nhằn hơn, ít được trọng vọng hơn, kết quả của nó không thể hiện ngay, có thể gặp chống đối ở chỗ này chỗ khác, nhưng nhất định rằng, từ góc độ lợi ích và tương lai thực sự của xã hội chúng ta, đó sẽ là con đường có ý nghĩa hơn nhiều.

Là công dân của đất nước, qua bức thư này, tôi công khai và thẳng thắn đề nghị ông và những người đại diện hàng đầu của chế độ hiện nay xem xét một cách nghiêm túc những mối tương quan mà tôi đã cố gắng lưu ý, để trên tinh thần đó, các ông cân nhắc mức độ trách nhiệm lịch sử của mình và có những hành động phù hợp.